

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-10-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mai Khanh

Ông Mai Xuân Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ L số 211/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 235/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh ngày 14/01/1991; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khối 3, phường NH, thị xã CL, tỉnh Nghệ An. Hiện đang làm việc tại: Công ty TNHH công nghệ Kim Nhuận Phong, tầng 1, số 27, ngõ 198 đường Trung Chính, phường Tân Sinh, khu Tân Ốc, thành phố Đào Viên, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim Soa, sinh năm 1977; địa chỉ: Lô 11, KHQ Đông Thọ, Nam đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T1, sinh ngày 03/9/1981; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khối 3, phường NH, thị xã CL, tỉnh Nghệ An. Hiện đang ở Đài Loan; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn L và Hoàng Thị M; địa chỉ: Khối 3, phường NH, thị xã CL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn T1 kết hôn lần thứ nhất vào ngày 11/11/2013 tại UBND phường NH, thị xã CL, tỉnh Nghệ An, việc kết hôn hoàn T tự nguyện, không bị

ai ép buộc. Năm 2016, chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay. Năm 2018 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, không hòa giải được, không có tiếng nói chung. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T1.

Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T1 có một con chung là Hoàng Văn Ph, sinh ngày 27/5/2014. Hiện nay, cháu đang sống với ông Hoàng Văn L và bà Hoàng Thị M (bố mẹ anh T). Khi ly hôn, chị T nhường quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho anh T và chị T cấp dưỡng nuôi con 2 triệu đồng/ tháng. Tuy nhiên, tại Bản tự khai chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung nhưng do hiện nay chị chưa thể về nước nên chị đồng ý để bố mẹ chồng là ông L bà M tiếp tục chăm sóc cháu, khi nào về nước chị sẽ nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hoàng Văn T1: Quá trình từ khi thụ L vụ án cho đến nay, bị đơn là anh Hoàng Văn T1 vắng mặt. Chị Hoàng Thị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh T cư trú, chị chỉ biết anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ L vụ án tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn, đồng thời gửi Thông báo thụ L vụ án cho anh T thông qua ông Hoàng Văn L (là bố đẻ của anh T), và bà Hoàng Thị M (là mẹ đẻ của anh T), tiến hành xác minh, lấy lời khai, gửi văn bản yêu cầu ông Hoàng Văn T1 và bà Hoàng Thị M cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn. Tuy nhiên, ông Hoàng Văn L và bà Hoàng Thị M cho biết thời gian ở nước ngoài, anh T thỉnh thoảng liên lạc về với ông bà nhưng không cho ông bà biết địa chỉ cụ thể của anh mà chỉ biết hiện nay anh đang sinh sống tại Đài Loan. Anh T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ L, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị T với anh. Đến nay, Tòa án vẫn không nhận được văn bản nào thể hiện ý kiến của anh T liên quan đến nội dung giải quyết vụ án.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn L và bà Hoàng Thị M trình bày: Anh Hoàng Văn T1 là con đẻ của ông bà, hiện đang ở Đài Loan. Ông bà thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại, facebook nhưng ông bà không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh T. Ông bà đã thông báo cho anh T biết về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh T. Vợ chồng chị T anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Văn Phúc. Ông L, bà M nuôi dưỡng cháu Phúc từ năm 2015 đến nay. Nếu chị T, anh T ly hôn, ông bà không yêu cầu anh T và chị T phải trả tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phúc từ trước đến nay. Nếu Tòa án giao cháu Phúc cho chị T hay anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì ông bà cũng đồng ý tiếp tục chăm sóc cháu đến khi bố, mẹ cháu về nước. Anh T cho ông bà biết anh đồng ý ly hôn với chị T và đề nghị giao cháu Phúc cho anh nuôi và nhờ ông bà nuôi dưỡng cho đến khi anh về nước anh sẽ trực tiếp nuôi con. Với đề nghị được cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng của chị T, anh cho là quá thấp và yêu cầu mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng/ tháng. Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Cháu Hoàng Văn Ph cho biết cháu đang sống cùng ông bà nội ông Hoàng Văn L và bà Hoàng Thị M. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ L và giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký đã ban hành các quyết định và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T hiện đang ở Đài Loan, có Bản tự khai có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan, đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc cũng như khi xét xử. Bị đơn anh Hoàng Văn T1 đã được bố đẻ của mình cung cấp các thông tin về việc chị Hoàng Thị T xin ly hôn, nhưng vẫn cố tình giấu địa chỉ, không chấp hành các nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Vì vậy việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T1 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NH, thị xã CL, tỉnh Nghệ An vào năm 2013, không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân là hợp pháp. Chị T và anh T không liên lạc với nhau từ năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T1. Về con chung: Chị T và anh T hiện đang ở nước ngoài. Chị T có địa chỉ cụ thể ở Đài Loan, anh T không có địa chỉ cụ thể. Đề nghị giao con chung là Hoàng Văn Ph cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T không phải đóng góp phí tổn nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét. Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T1 có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn chị Hoàng Thị T và bị đơn anh Hoàng Văn T1; trong đó chị T và anh T đều có hộ khẩu thường trú tại khối 3, phường NH, thị xã CL, tỉnh Nghệ An; nguyên đơn chị Hoàng Thị T đang ở Đài Loan, bị đơn anh Hoàng Văn T1 đã xuất cảnh qua cửa khẩu quốc tế sân bay Nội Bài lần cuối là ngày 14/02/2020 đến nay chưa nhập cảnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T ở nước ngoài, có đề nghị vắng mặt tất cả các buổi làm việc và xét xử; bị đơn là anh Hoàng Văn T1 vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh tại ông Hoàng Văn L và bà Hoàng Thị M (là bố mẹ đẻ của anh T), địa chỉ: khối 3,

phường NH, thị xã CL, tỉnh Nghệ An yêu cầu ông bà cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn và thông báo cho anh T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ L, giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh T. Tuy nhiên, ông Hoàng Văn L cho biết anh T đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2020 đến nay. Ông không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh T do anh T không cho ông biết; đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh T liên quan đến yêu cầu khởi kiện, nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ nơi trú cuối cùng của anh T trước khi xuất cảnh theo đúng quy định pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn L và bà Hoàng Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn lần thứ nhất vào ngày 11/11/2013 tại Ủy ban nhân dân phường NH, thị xã CL, tỉnh Nghệ An, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, tháng 02/2020, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và kể từ đó, hai người không liên lạc với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Đến nay, chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T1 theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T1 có một con chung là Hoàng Văn Ph, sinh ngày 27/5/2014. Hiện nay, cháu Ph đang sống cùng ông bà nội là Hoàng Văn L và Hoàng Thị M tại khối 3, phường NH, thị xã CL, tỉnh Nghệ An. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ph, không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con, đề nghị được giao con cho ông L bà M tiếp tục chăm sóc cháu Ph cho đến khi về nước chị sẽ tiếp tục nuôi dưỡng con.

Xét nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nguyện vọng chính đáng của người mẹ. Chị T và anh T đều đang ở nước ngoài. Chị T ở Đài Loan, có địa chỉ cụ thể. Anh T đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài, không rõ địa chỉ. Cháu Ph đang ở với ông bà nội. Ông L bà M có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ph trong thời gian bố mẹ cháu ở nước ngoài. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con, cần giao con chung Hoàng Văn Ph cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm giao cho ông Hoàng Văn L và bà Hoàng Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ph cho đến khi chị T về nước.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ph từ năm 2015 đến nay: Ông Hoàng Văn L và bà Hoàng Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T, anh T có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 207, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Văn Ph, sinh ngày 27 tháng 5 năm 2014 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm giao cháu Hoàng Văn Ph cho ông Hoàng Văn L và bà Hoàng Thị M chăm sóc, giáo dục cho đến khi chị Hoàng Thị T về nước.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn Ph từ năm 2015 đến nay: Ông Hoàng Văn L và bà Hoàng Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Hoàng Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu ai vi phạm thì người kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích mọi mặt của con, khi có L do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hoàng Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T1 có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm

ngành) đồng tiền tạm ứng án phí chi T đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012006 ngày 20/07/2022.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND phường NH;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Anh Sơn